TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/DS-PT
Ngày: 28 - 02 – 2020
V/v chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Hoàng Thị Hải Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Phân T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Võ Trường S (Võ Minh S), sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Hoàng Phương là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Phương – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Võ Chí N1, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

2. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

3. Bà Võ Thu T2, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

4. Bà Võ Hồng P, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

5. Bà Lê Mỹ N2, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

6. Anh Võ Văn T3, sinh năm 2001(Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

7. Ông Võ Minh Kh (đã chết).

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Minh Kh:

+ Bà Trương Ngọc D2.

Địa chỉ cư trú tại: khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Võ Hồng D1.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

+ Chị Võ Xa R.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

+ Anh Võ Cầu H1.

Địa chỉ cư trú tại: Khóm 1, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

+ Anh Võ Hữu H2, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú tại: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà D2, chị D1, chị R và anh H1: Anh Võ Hữu H2. Địa chỉ cư trú tại: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Trường S – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ông Võ Phân T1 trình bày:* Trước đây, cụ Võ Hữu Tuấn và cụ Lê Thị Tới có phần đất khoảng hơn 70 công, tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận số H 011394 cấp ngày 12/6/1996 do cụ Tuấn đứng tên. Vào thời điểm còn làm ruộng thì cụ Tuấn, cụ Tới phân chia cho 04 người con trai gồm: Ông Võ Trường S, ông Võ Minh Kh, ông Võ Chí N1 và ông là Võ Phân T1 và đến năm 2003 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận. Phần đất của ông T1, ông N1 và ông Khởi đã lên bờ ranh sử dụng riêng, phần đất ông Sơn sử dụng chung với phần đất còn lại của cụ Tuấn, cụ Tới. Sau khi phân chia thì phần đất

còn lại theo Giấy chứng nhận là 29.249m^2; năm 2008 cụ Tuấn chết và năm 2013 cụ Tới chết thì ông Sơn tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

Lúc sinh thời, cụ Tuấn, cụ Tới có 09 người gồm: Ông Võ Minh Kh (chết năm 2003), bà Võ Kim Âu (chết cách đây khoảng 40 năm), ông Võ Chí N1, bà Võ Thu T2, bà Võ Thị Y, ông Võ Phân T1, bà Võ Mộng Nhành (đã chết cách đây khoảng 38 năm), ông Võ Trường S (Võ Minh S) và bà Võ Hồng P.

Qua thẩm định thực tế, phần di sản của cụ Tuấn, cụ Tới là phần đất diện tích 36.242m^2, ông thống nhất giữ lại diện tích 5.000m^2 để thờ cúng, 2.000m^2 dùng để làm khu vực nền mộ của thân tộc (gồm phần căn nhà và phần 02 ngôi mộ của cụ Tuấn, cụ Tới), đối trừ phần đất của ông Sơn còn thiếu thì phần còn lại yêu cầu chia theo pháp luật làm 09 kỷ phần (tương ứng với 09 người con), ông xin hưởng 01 kỷ phần liền kề với phần đất của ông, các tài sản khác không yêu cầu.

* *Ông Võ Trường S trình bày:* Về nguồn gốc đất như ông T1 trình bày là đúng. Trước đây cha, mẹ phân chia cho 04 người con trai nhưng không lập thành văn bản, các phần đất khác đã lên ranh sử dụng riêng còn phần đất của ông đã tách Giấy chứng nhận nhưng vẫn sử dụng cùng với phần đất còn lại của cụ Tuấn, cụ Tới và hiện nay ông đang sử dụng cùng với vợ là bà Lê Mỹ N2 và con trai là Võ Văn T3. Ông yêu cầu giữ lại phần đất dùng vào việc thờ cúng nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T1. Ông không yêu cầu gì đối với công sức đóng góp và không có yêu cầu gì đối với phần đất của cụ Tuấn.

* *Bà Võ Thị Y trình bày*: Bà thống nhất với yêu cầu của ông T1, đồng ý giữ lại diện tích 5.000m^2 thờ cúng, 2.000m^2 dùng để làm khu vực nền mộ của thân tộc, đối trừ phần đất của ông Sơn còn thiếu do ông T1 xác định khi đo đạc và phân chia phần di sản theo pháp luật làm 09 kỷ phần. Bà xin hưởng 01 kỷ phần liền kề với phần đất ông T1 hưởng trở về phía hậu và không yêu cầu phân chia đối với các tài sản khác.

* *Anh Võ Hữu H2 trình bày*: Do ông Võ Minh Kh (cha của anh đã chết) và anh được hàng thừa kế thứ nhất giao cho anh hưởng phần thừa kế của ông Khởi. Anh thống nhất với yêu cầu của ông T1 và bà Y; đồng ý giữ lại diện tích 5.000m^2 thờ cúng, 2.000m^2 dùng để làm khu vực nền mộ của thân tộc, đối trừ phần đất của ông Sơn còn thiếu do ông T1 xác định khi đo đạc và phân chia phần di sản theo pháp luật làm 09 kỷ phần. Anh xin hưởng 01 kỷ phần liền kề với phần đất của gia đình và không yêu cầu phân chia đối với các tài sản khác.

* *Ông Võ Chí N1 trình bày*: Ông thống nhất theo trình bày của ông T1 và ông Sơn về phần di sản của cụ Tuấn, cụ Tới để lại. Trong phần đất này, trước đây ông Sơn cắt cho ông 02 công thờ cúng bà Âu và sang nhượng cho ông 02 công nhưng do phần đất liên quan đến di sản thừa kế nên đã trả lại cho ông Sơn quản lý, sử dụng. Ông yêu cầu giữ lại phần đất dùng vào việc thờ cúng nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T1, bà Y và anh H2. Đối với phần đất chuyển nhượng ông sẽ thỏa thuận với ông Sơn và không yêu cầu giải quyết.

** Bà Võ Thu T2 trình bày*: Bà yêu cầu giữ lại phần đất của cụ Tuấn, cụ Tới và giao cho ông Sơn tiếp tục quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng nên không đồng ý phân chia và không đồng ý chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông Sơn.

** Bà Võ Hồng P trình bày*: Bà yêu cầu giữ lại phần đất của cụ Tuấn, cụ Tới và giao cho ông Sơn tiếp tục quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng nên không đồng ý phân chia và không chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông Sơn.

** Bà Lê Mỹ N2 trình bày*: Bà đang sử dụng phần đất cùng với ông Sơn và anh T3, bà yêu cầu giữ nguyên cho ông Sơn tiếp tục quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng và không có yêu cầu gì khác.

** Anh Võ Văn T3 trình bày*: Hiện phần đất anh đang sử dụng cùng với ông Sơn là cha của anh, anh không có ý kiến gì đối với phần di sản của ông nội để lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư phát biểu ý kiến tranh luận: Cụ Tuấn, cụ Tới đã phân chia đất cho 04 người con trai vào năm 2003, đã thực hiện xong các nghĩa vụ và giữ phần còn lại dùng để nuôi dưỡng và thờ cúng các cụ sau này.

Do cụ Tuấn đã chết vào năm 2008 nên căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp thì sẽ áp dụng Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 để xác định thời hiệu yêu cầu thừa kế, như vậy đến nay đã hết thời hạn 10 năm kể từ ngày cụ Tuấn chết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 191, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 657, 658, 661, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các điều 100, 166 của Luật Đất đai, các biên bản họp thân tộc ngày 22/11/2018 và ngày 07/3/2019 cũng như các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Bác yêu cầu khởi kiện của ông T1 giữ nguyên phần đất cho ông Sơn tiếp tục quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng. Trường hợp chấp nhận chia thừa kế thì Luật sư đề nghị lấy diện tích 71.700m^2 theo Giấy chứng nhận cụ Tuấn đứng tên trừ đi diện tích đất còn lại 29.249m^2 chia đều làm 09 kỷ phần thì phần đất ông T1 đã được cho trước đây vượt quá phải trả lại cho hàng thừa kế.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2019/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 184 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 623, 649, 650, 651, 652 và 656 của Bộ luật Dân sự; Thông tư số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phân T1, bà Võ Thị Y và anh Võ Hữu H2. Phân chia di sản của cụ Võ Hữu Tuấn, cụ Lê Thị Tới là phần đất có diện tích 35.689,5m^2 tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà

Mau trong Giấy chứng nhận số H 011394 cấp ngày 12/6/1996 do cụ Tuấn đứng tên cho ông T1, bà Y và anh H2 mỗi người hưởng diện tích 3.188,7m^2 (ba nghìn một trăm tám mươi tám phẩy bảy mét vuông).

2. Buộc ông Võ Trường S, bà Lê Mỹ N2 và anh Võ Văn T3 liên đới cùng ông Võ Chí N1 giao lại phần di sản của cụ Tuấn, cụ Tới phân chia cho ông T1, bà Y và anh H2 mỗi người diện tích 3.188,7m^2.

Trong đó, các vị trí phần đất phân chia như sau:

* Phần đất ông T1 được hưởng:

- Phía đông: Giáp đất ông Hồ Văn Hồng, dài 103,36m.

- Phía tây: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 103,36m.

- Phía nam: Giáp phần đất ông T1 (điểm M3M4), dài 30,85m.

- Phía bắc: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 30,85m.

* Phần đất bà Y được hưởng:

- Phía đông: Giáp đất ông Hồ Văn Hồng, dài 103,36m.

- Phía tây: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 103,36m.

- Phía nam: Giáp phần đất ông T1 được hưởng, dài 30,85m.

- Phía bắc: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 30,85m.

* Phần đất anh H2 được hưởng:

- Phía bắc: Giáp phần đất của gia đình anh H2, dài 45,5m.

- Phía tây: Giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Hoàng, bà Nguyễn Thị Chi, dài 70,08m.

- Phía đông: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 70,08m.

- Phía nam: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 45,5m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho ông Võ Trường S tiếp tục quản lý phần di sản còn lại có diện tích 26.123,4m^2.

Trong trường hợp những người thừa kế hợp pháp còn lại của cụ Tuấn, cụ Tới gồm: Ông Sơn, ông N1, bà T2 và bà P không thỏa thuận phân chia được với nhau đối với diện tích đất này thì có quyền khởi kiện phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/11/2019, ông Võ Trường S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phân T1, bà Võ Thị Y, anh Võ Hữu H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ Trường S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Sơn: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Trường S; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Võ Trường S. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Cụ Võ Hữu Tuấn, cụ Lê Thị Tới có phần đất tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận số H 011394 cấp ngày 12/6/1996 do cụ Tuấn đứng tên, sau khi phân chia đất cho ông Võ Minh Kh, ông Võ Phân T1, ông Võ Chí N1 và ông Võ Trường S (đều đã được cấp Giấy CNQSDĐ năm 2003), thì diện tích còn lại trong Giấy CNQSDĐ của cụ Tuấn, cụ Tới là 29.249m^2 (đo đạc thực tế là 36.242m^2). Ngày 18/8/2008 cụ Tuấn chết và ngày 01/3/2013 cụ Tới chết. Xét cụ Tuấn, cụ Tới chết để lại di sản là phần đất nêu trên không có di chúc. Mặc dù, thân tộc, gia đình có tiến hành họp mặt những người trong thừa kế vào các ngày 22/11/2018 (bút lục 126) và ngày 07/3/2019 (bút lục 56) để thỏa thuận về phần di sản nêu trên, nhưng các biên bản này không thể hiện đầy đủ thành phần và chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự, nên không có giá trị pháp lý. Do vậy, ông T1, bà Y và anh H2 khởi kiện yêu cầu phân chia đối với phần đất là di sản của cụ Tuấn, cụ Tới là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Phần đất ông Sơn đã được cấp Giấy CNQSDĐ và đã được đo đạc ngày 26/3/2019 để giải quyết trong vụ án "yêu cầu phân chia tài sản sau khi ly hôn" giữa bà Nguyễn Thị Là với ông Võ Trường S (bút lục 147) thể hiện: Phần đất của ông Sơn có chiều ngang là 24m và cạnh tiếp giáp phần đất của cụ Tuấn có chiều dài 552,5m. Các đương sự thống nhất sử dụng kích thước này để tính bổ sung diện tích ngang 01m x 552,5m tương ứng với 552,5m^2 đối trừ vào diện tích đất theo kết quả đo đạc ngày 24/5/2019 để xác định di sản của cụ Tuấn, cụ Tới để lại là 36.242m^2- 552,5m^2 = 35.689,5m^2. Do ông T1, bà Y và anh H2 tự nguyện giữ lại

5.000m^2 dùng vào việc thờ cúng và 2.000m^2 để làm khu vực mộ của thân tộc. Như vậy, phần di sản sẽ được xem xét phân chia là 28.698,5m^2 (35.689,5m^2 - 5.000m^2 - 2.000m^2).

[4] Người thừa kế theo pháp luật của cụ Tuấn, cụ Tới gồm: Ông Khởi, ông T1, ông N1, ông Sơn, bà Y, bà T2, bà Âu, bà Nhành và bà P. Ông Khởi chết vào năm 2003, hàng thừa kế thứ nhất của ông Khởi theo điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự gồm: Bà Trương Ngọc D2, chị Võ Hồng D1, chị Võ Xa R, anh Võ Cầu H1 và anh Võ Hữu H2 nhưng theo Điều 652 của Bộ luật Dân sự thì chị D1, chị R, anh H1 và anh H2 là người thừa kế thế vị được hưởng phần di sản mà ông Khởi được hưởng từ cụ Tuấn, cụ Tới; đối với bà Âu, bà Nhành chết không có hàng thừa kế nhưng ông T1, bà Y và anh H2 tự nguyện phân chia kỷ phần để thờ cúng, đây là tự nguyện định đoạt của các đương sự theo khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên ông T1, bà Y và anh H2 yêu cầu phân chia làm 09 kỷ phần và mỗi người xin hưởng 01 kỷ phần tương ứng với diện tích 3.188,7m^2 (28.698,5m^2 : 9) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Để đảm bảo cho việc thuận tiện cho các đương sự trong việc quản lý, sử dụng nên phân chia cho ông T1 hưởng phần đất tiếp giáp với phần đất của mình (theo đo đạc có chiều ngang 30,85m), bà Y hưởng phần đất liền kề với phần đất ông T1 và anh H2 hưởng phần đất tiếp giáp với phần đất gia đình (Giấy chứng nhận do bà Trương Ngọc D2 đứng tên phía tiếp giáp đất cụ Tuấn có chiều ngang 45,5m) là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các kích thước này để phân chia cho các đương sự hưởng tương ứng với diện tích là 3.188,7m^2.

Phần đất phân chia cho các đương sự hưởng tại các vị trí như sau:

** Phần đất ông Võ Phân T1 được hưởng:*

- Phía đông: Giáp đất ông Hồ Văn Hồng đo từ điểm M3 về hướng bắc, dài 103,36m (vị trí này gọi là điểm P1).

- Phía tây: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn đo từ điểm M4 về hướng bắc, dài 103,36m (vị trí này gọi là điểm P2).

- Phía nam: Giáp phần đất ông T1 đang sử dụng (M3M4), dài 30,85m.

- Phía bắc: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn (P1P2), dài 30,85m.

** Phần đất bà Võ Thị Y hưởng:*

- Phía đông: Giáp đất ông Hồ Văn Hồng đo từ điểm P1 về hướng bắc, dài 103,36m (vị trí này gọi là điểm P4).

- Phía tây: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn đo từ điểm P2 về hướng bắc, dài 103,36m (vị trí này gọi là điểm P3).

- Phía nam: Giáp phần đất ông T1 được hưởng (P1P2), dài 30,85m.

- Phía bắc: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn (P3P4), dài 30,85m.

** Phần đất anh Võ Hữu H2 hưởng:*

- Phía bắc: Giáp phần đất của gia đình anh H2 đo từ điểm M1 về hướng đông, dài 45,5m (vị trí này gọi là điểm P5).

- Phía tây: Giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Hoàng, bà Nguyễn Thị Chi đo từ điểm M1về hướng nam, dài 70,08m (vị trí này gọi là điểm P7).

- Phía đông: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn đo từ điểm P5 về hướng nam, dài 70,08m (vị trí này gọi là điểm P6).

- Phía nam: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn (P6P7), dài 45,5m.

[6] Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện ông N1 quản lý một phần đất trong số di sản của cụ Tuấn, cụ Tới có diện tích 5.486m^2 (bao gồm phần sang và phần thờ cúng bà Âu); tại phiên tòa, ông N1 và ông Sơn xác định ông N1 đã giao lại phần đất trên cho ông Sơn quản lý. Xét thấy, chưa có chứng cứ thể hiện việc ông N1 giao lại phần đất cho ông Sơn ngoài lời trình bày của các đương sự. Do đó, cần buộc ông N1 có nghĩa vụ cùng với ông Sơn, bà N2 và anh T3 liên đới giao lại phần đất để phân chia là có căn cứ.

[7] Đối với hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Sơn và ông N1 cũng như các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Đối với đề nghị của Luật sư áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự về điều khoản chuyển tiếp để áp dụng thời hiệu mở thừa kế theo Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các biên bản họp gia đình, thân tộc để bác yêu cầu phân chia thừa kế của ông T1. Thấy rằng: Theo Điều 184 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của Bộ luật Dân sự về thời hiệu được áp dụng trong tố tụng dân sự. Như vậy, thời hiệu mở thừa kế trong vụ án này được thực hiện theo Điều 623 của Bộ luật Dân sự (thời hiệu vẫn còn), nên đề nghị của Luật sư về các vấn đề này là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[9] Từ phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Sơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí sơ thẩm, Bản án đã tuyên là đúng quy định pháp luật, nên được giữ nguyên.

[11] Án phí phúc thẩm: Ông Võ Trường S phải chịu số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Trường S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phân T1, bà Võ Thị Y và anh Võ Hữu H2.

Phân chia di sản của cụ Võ Hữu Tuấn, cụ Lê Thị Tới là phần đất có diện tích 35.689,5m^2 tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau trong Giấy chứng nhận số H 011394 cấp ngày 12/6/1996 do cụ Tuấn đứng tên cho ông T1, bà Y và anh H2 mỗi người hưởng diện tích 3.188,7m^2 (ba nghìn một trăm tám mươi tám phẩy bảy mét vuông).

2. Buộc ông Võ Trường S, bà Lê Mỹ N2 và anh Võ Văn T3 liên đới cùng ông Võ Chí N1 giao lại phần di sản của cụ Tuấn, cụ Tới phân chia cho ông T1, bà Y và anh H2 mỗi người diện tích 3.188,7m^2.

Trong đó, các vị trí phần đất phân chia như sau:

* Phần đất ông T1 được hưởng:

- Phía đông: Giáp đất ông Hồ Văn Hồng, dài 103,36m.

- Phía tây: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 103,36m.

- Phía nam: Giáp phần đất ông T1 (điểm M3M4), dài 30,85m.

- Phía bắc: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 30,85m.

* Phần đất bà Y được hưởng:

- Phía đông: Giáp đất ông Hồ Văn Hồng, dài 103,36m.

- Phía tây: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 103,36m.

- Phía nam: Giáp phần đất ông T1 được hưởng, dài 30,85m.

- Phía bắc: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 30,85m.

* Phần đất anh H2 được hưởng:

- Phía bắc: Giáp phần đất của gia đình anh H2, dài 45,5m.

- Phía tây: Giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Hoàng, bà Nguyễn Thị Chi, dài 70,08m.

- Phía đông: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 70,08m.

- Phía nam: Giáp phần đất là di sản của cụ Tuấn, dài 45,5m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho ông Võ Trường S tiếp tục quản lý phần di sản còn lại có diện tích 26.123,4m^2.

Trong trường hợp những người thừa kế hợp pháp còn lại của cụ Tuấn, cụ Tới gồm: Ông Sơn, ông N1, bà T2 và bà P không thỏa thuận phân chia được với nhau đối với diện tích đất này thì có quyền khởi kiện phân chia theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Võ Phân T1 phải chịu số tiền 1.167.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), bà Võ Thị Y phải chịu số tiền 1.166.500 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và anh H2 phải chịu số tiền 1.166.500 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Đối trừ số tiền 3.500.000 đồng ông T1 đã nộp tạm ứng thì ông T1 được nhận lại số tiền 2.333.000 đồng. Bà Y và anh H2 mỗi người có nghĩa vụ nộp lại số tiền 1.166.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho ông T1.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà Y, anh H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Phân T1 phải chịu số tiền 4.783.050 đồng (bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng), đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 1.044.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009207 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì còn phải nộp tiếp số tiền 3.738.550 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Bà Võ Thị Y phải chịu số tiền 4.783.050 đồng (bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng), đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 1.567.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009567 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì còn phải nộp tiếp số tiền 3.216.050 đồng (ba triệu hai trăm mười sáu nghìn không trăm năm mươi đồng).

- Miễn toàn bộ án phí cho anh Võ Hữu H2.

Án phí phúc thẩm: Ông Võ Trường S phải chịu số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số: 0009959 ngày 04/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út